TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **718**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát;

Ông Bùi Quang Việt.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1778/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kiều Thị Bích L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 497/3B đường TL 15, ấp X, xã TTĐ, huyện CC, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Do Thuong T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 17152 SW 137 Ct. Miami, FL. 33177, USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Kiều Thị Bích L trình bày:

Bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 646 quyển số 04 ngày 16/3/2015.

Trong quá trình chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không phù hợp khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nhận thấy hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Kiều Thị Bích L yêu cầu được ly hôn với ông Do Thuong T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Do Thuong T trình bày:

Tại bản khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/4/2023, ông Do Thuong T thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Kiều Thị Bích L trình bày. Ông Do Thuong T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Kiều Thị Bích L; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Do Thuong T trình bày không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Kiều Thị Bích L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Do Thuong T đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA) không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của bà Kiều Thị Bích L tại Việt Nam, ông Do Thuong T yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử vắng mặt ông Do Thuong T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Bích L yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Do Thuong T, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Do Thuong T đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Kiều Thị Bích L, bị đơn ông Do Thuong T tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Kiều Thị Bích L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Do Thuong T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị Bích L đối với bị đơn ông Do Thuong T, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 646 quyển số 04 ngày 16/3/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T; có cơ sở xác định quan hệ hôn

nhân giữa bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Kiều Thị Bích L yêu cầu ly hôn ông Do Thuong T với lý do trong quá trình chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không phù hợp khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Đối với ông Do Thuong T cũng thừa nhận trình bày của bà Kiều Thị Bích L là đúng và đồng ý ly hôn bà Kiều Thị Bích L. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Bích L ly hôn ông Do Thuong T theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Kiều Thị Bích L và ông Do Thuong T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Kiều Thị Bích L phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị Bích L đối với ông Do Thuong T:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Kiều Thị Bích L ly hôn ông Do Thuong T.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 646 quyển số 04 ngày 16/3/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Kiều Thị Bích L

và ông Do Thuong T không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Kiều Thị Bích L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004197 ngày 16/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Kiều Thị Bích L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Do Thuong T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TPH (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức